TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Bạt Hào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Nam Hưng
Bà Phan Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên Tòa: bà Lương Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐST- HNGĐ ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: K44/20/4 N, phường H (N là phường L), TP Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: số C S, khu phố B, thị trấn H, huyện K, Nhật Bản, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: K N, phường H (N là phường L), TP Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: số C S, khu phố B, thị trấn H, huyện K, Nhật Bản, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn H kết hôn hợp pháp vợ chồng đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng vào ngày 16/5/2009. Trong quá trình chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống chung với nhau không có hạnh phúc. Vợ chồng không thống nhất, không cùng quan điểm từ cách sống, sinh hoạt, quan điểm nuôi dạy con. Hai bên không có tiếng nói chung.

Đến thời điểm hiện nay, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, người nào biết bổn phận người đó. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn H.

- Về con chung: bà và ông Phan Văn H có 02 con chung, Phan Thị Trang N, sinh ngày 08/10/2012; Phan Anh T, sinh ngày 01/06/2022. Hiện nay, hai cháu đang ở với bà tại Nhật Bản. Hai con chung có nguyện vọng được ở với bà. Do đó bà xin nhận nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

*** Bị đơn, ông Phan Văn H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hải Y kết hôn hợp pháp với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn đồng cảm, thấu hiểu, thiếu sự chia sẻ mặc dù đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình mâu thuẫn đã có sự can thiệp, hòa giải của hai bên gia đình nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không có sự thay đổi. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nay bà Nguyễn Thị Hải Y xin ly hôn ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông và bà Nguyễn Thị Hải Y có 02 con chung, Phan Thị Trang N, sinh ngày 08/10/2012; Phan Anh T, sinh ngày 01/06/2022. Hiện nay, hai con đang ở với bà Y tại Nhật Bản. Hai con chung có nguyện vọng được ở với bà Y. Do đó ông đồng ý giao hai con chung cho bà Y nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* của bà Nguyễn Thị Hải Y đối với ông Phan Văn H;

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Phan Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Phan Thị Trang N, sinh ngày 08/10/2012; Phan Anh T, sinh ngày 01/06/2022 cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Y nộp đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 4 và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Phan Văn H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn lại tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Hải Y cho rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Hiện nay hai vợ chồng sống ly thân không có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn H.

Ý kiến ông Phan Văn H xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng như bà Y bày là đúng. Nay bà Y xin ly hôn bà đồng ý lý hôn. HĐXX Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được theo ý kiến trình bày của bà Y và ông H các bên thống nhất thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Y và ông H.

- Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Phan Văn H có 02 con chung, Phan Thị Trang N, sinh ngày 08/10/2012; Phan Anh T, sinh ngày 01/06/2022. Hiện nay, hai con đang ở với bà Y tại Nhật Bản. Hai con chung có nguyện vọng được ở với bà Y, ông H cũng đồng ý giao hai con chung cho bà Y nuôi dưỡng. Để không làm xáo trộn cuộc sống của hai con. HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho bà Y nuôi dưỡng là thỏa đáng. Bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 33,38, 46, 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* của bà Nguyễn Thị Hải Y đối với ông Phan Văn H;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Phan Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2009 ngày 11/7/2017 của UBND phường A, quận S, TP Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Thị Trang N, sinh ngày 08/10/2012; Phan Anh T, sinh ngày 01/06/2022 cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3 . Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001284 ngày 30/7/2025, tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4;
- Phòng thi hành án khu vực 4,
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường An Hải, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Bạt Hào